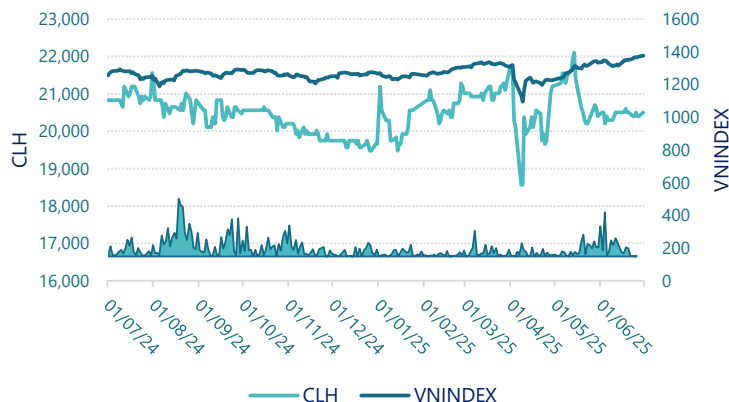




CTCP Xi măng La Hiên VVMI (HNX: CLH)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	20,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	22,100
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	18,568
SL cổ phiếu LH	12,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,725
% sở hữu nước ngoài	5.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	246
P/E	5.8
EPS	3,510

DT thuần

Q2/25

190

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 44.0 | 29.9%

YoY: ▲ 27.0 | 16.3%

LN sau thuế

Q2/25

13.7

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 11.5 | 524%

YoY: ▲ 1.60 | 12.9%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

9.0%

+/- YoY: ▼ 0.3%

DT thuần

6T 2025

336

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 56.0 | 20.1%

LN sau thuế

6T 2025

15.9

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 3.50 | 27.7%

ROE

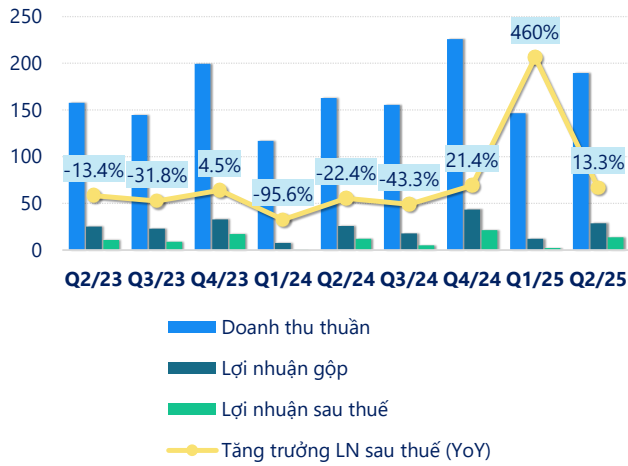
Q2/25

24.0%

+/- YoY: ▲ 2.3%

tỷ VNĐ

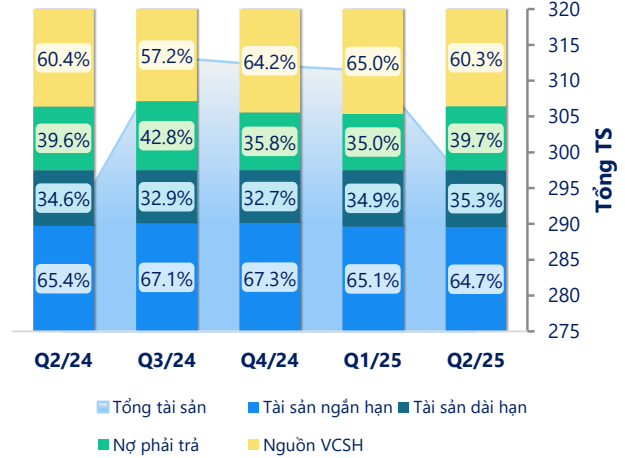
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

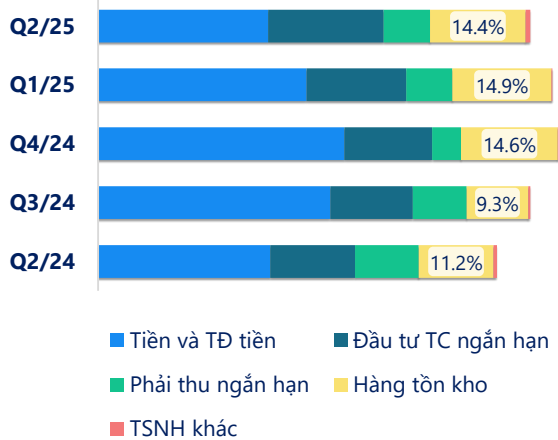
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



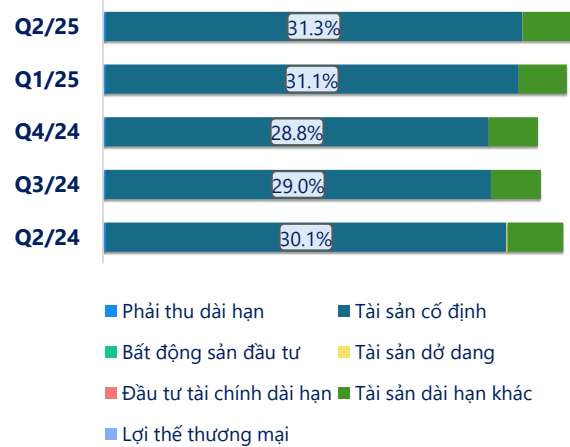
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

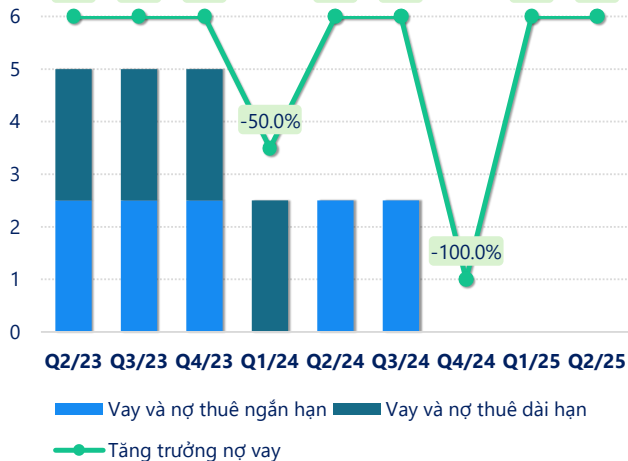
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

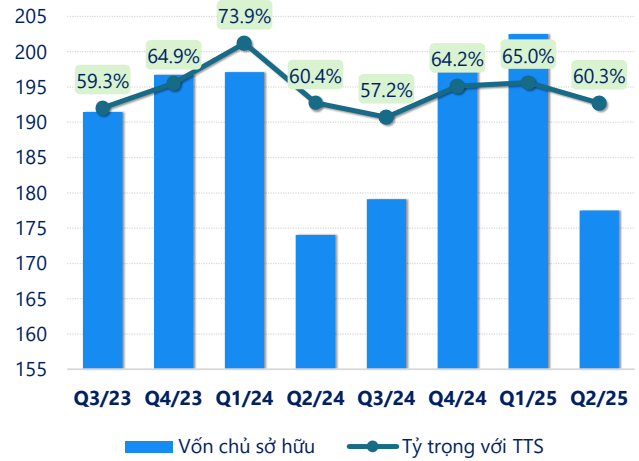
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

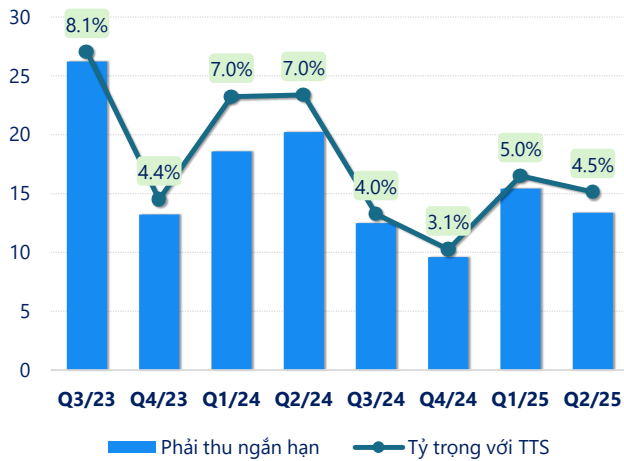
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



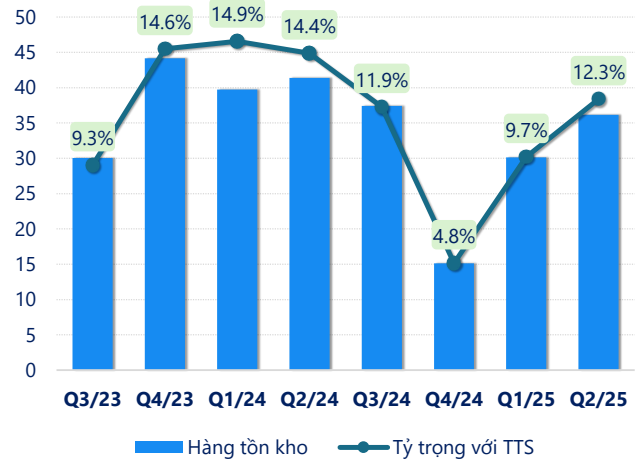
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


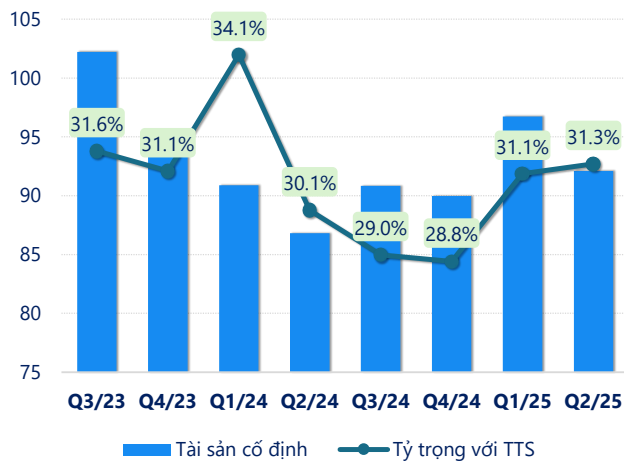
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


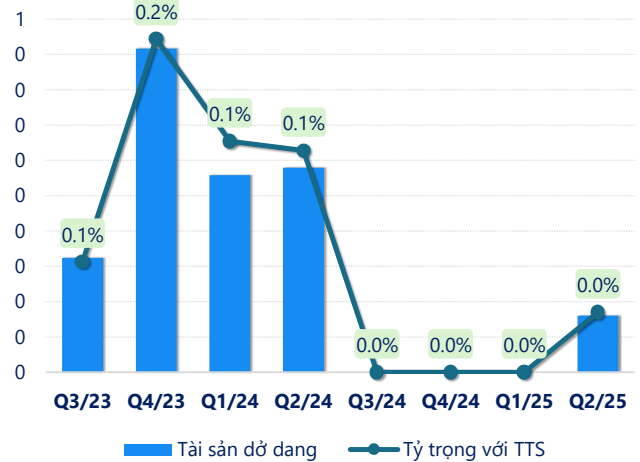
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

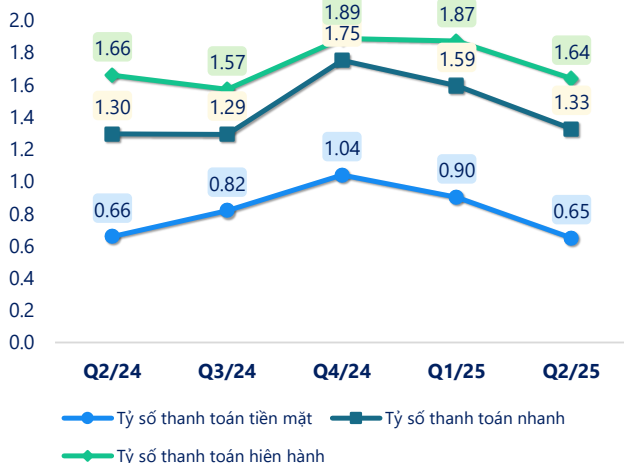
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

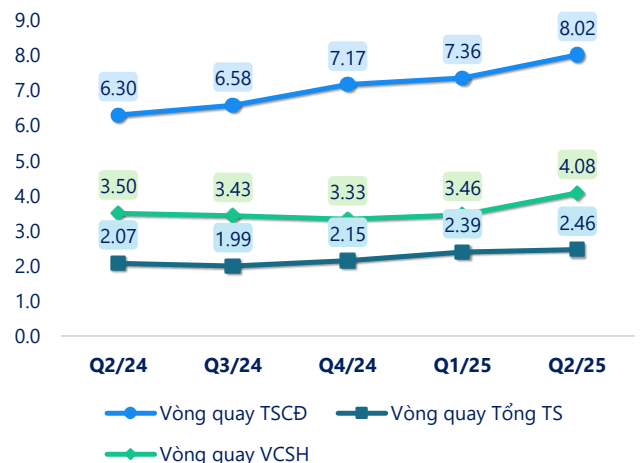
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	288	313	312	311	294
Tài sản ngắn hạn	188	210	210	203	190
Tiền và tương đương tiền	74.7	110	116	97.6	75.3
Đầu tư tài chính ngắn hạn	50.0	50.0	69.5	59.5	63.5
Phải thu ngắn hạn	20.2	12.5	9.61	15.4	13.4
Hàng tồn kho	41.4	37.4	15.1	30.1	36.1
Tài sản ngắn hạn khác	2.10	0.72	0.08	0.06	1.92
Tài sản dài hạn	99.7	103	102	109	104
Phải thu dài hạn	0.59	0.59	0.59	0.63	0.63
Tài sản cố định	86.8	90.8	90.0	96.7	92.1
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.29	0	0	0	0.08
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	12.0	11.8	11.5	11.3	11.1
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	114	134	112	109	117
Nợ ngắn hạn	113	134	111	108	116
Vay và nợ thuê ngắn hạn	2.50	2.50	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	32.4	46.8	42.6	55.2	31.4
Nợ dài hạn	0.59	0.59	0.59	0.63	0.63
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	174	179	200	202	177
Vốn chủ sở hữu	174	179	200	202	177
Vốn điều lệ	120	120	120	120	120
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)